

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI GIA LAI**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Gia Lai là Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thành lập theo Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 11 tháng 08 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900182143 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2010. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã hai lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp vào ngày 04 tháng 03 năm 2019.

Vốn đầu tư chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2019: **2.618.531.533.351 đồng.**

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 97A Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: +84 2693 824227
- Fax: +84 2693 824227
- Email: ctyktctl@gmail.com

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

- Vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Xây dựng, sửa chữa nâng cao, hoàn chỉnh công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Gia Lai;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, khảo sát thiết kế, giám sát thi công công trình thủy lợi cấp 3 trở xuống;
- Dịch vụ bán vé vào công trình đầu mối Ayun Hạ, tham quan các hạng mục và cảnh quan thiên nhiên, nhân tạo;
- Dịch vụ đưa khách tham quan dã ngoại, thắng cảnh lòng hồ;
- Dịch vụ đáp ứng các nhu cầu: gửi xe, nhiếp ảnh, câu cá và ăn uống của khách tham quan; Nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản;
- Lập dự án và thực hiện các chương trình khuyến ngư, hướng dẫn phổ cập kỹ thuật phương pháp sản xuất nuôi trồng đánh bắt thủy sản nước ngọt trên địa bàn toàn tỉnh; liên doanh liên kết nuôi trồng thủy sản các hồ chứa do công ty quản lý;
- Dịch vụ du lịch, sản xuất kinh doanh mua bán điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí.

CHỦ TỊCH, KIỂM SOÁT VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Chủ tịch, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch

- Ông Nguyễn Năng Dũng Bổ nhiệm ngày 01/03/2019
- Ông Trương Văn Bổ nhiệm lại ngày 09/10/2015
Miễn nhiệm ngày 01/03/2019

Kiểm soát viên

- Ông Đồng Văn Quang Bổ nhiệm lại ngày 09/01/2017

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Năng Dũng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/03/2019 |
| • Ông Trương Văn | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 09/10/2015 |
| | | Bãi nhiệm ngày 28/02/2019 |
| • Ông Nguyễn Thanh Bình | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 05/01/2016 |
| • Ông Phan Phước Thiện | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2015 |
| • Ông Lương Văn Minh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/02/2016 |
| • Ông Phan Đình Thành | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 05/01/2016 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Năng Dũng, chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2019.

SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Gia Lai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam (Trụ sở chính: Tầng 19, Khu văn phòng Tòa nhà Indochina, Số 04 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; trụ sở tại Thành phố Đà Nẵng: số 270 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (+84) 236.3691789; Fax: (+84) 236.3691188; Website: avnaudit.vn).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Năng Dũng

Giám đốc

Gia Lai, ngày 27 tháng 02 năm 2020



Số: 16/2020/BCKT-TC-AVN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc**Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Gia Lai, được lập ngày 27 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Gia Lai tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam



Trần Hà Diễm Phương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1460-2018-231-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2020

Ngô Hoàng Tùng

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3975-2017-231-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN
 Mã số
 Minh
 Thuyết
 31/12/2019 VND
 01/01/2019 VND

TÀI SẢN		Mã số	Minh	Thuyết	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGÂN HÀNG						
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	111	5	21.414.883,291	90.031.324,259
1.	Tiền	111	11.414.883,291			3.031.324,259
2.	Các khoản tương đương tiền	112	10.000.000,000	6	10.000.000,000	87.000.000,000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	65.000.000,000		65.000.000,000	80.000.000,000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	-		-	-
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	65.000.000,000	7	65.000.000,000	80.000.000,000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	16.905.210,448		16.905.210,448	5.788.789,492
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.347.691,694	8	1.347.691,694	1.318.226,498
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	15.389.669,000	9	15.389.669,000	2.458.750,000
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	167.849,754	10	167.849,754	2.011.812,994
IV.	Hàng tồn kho	140	1.503.002,443		1.503.002,443	1.758.378,795
1.	Hàng tồn kho	141	1.503.002,443	11	1.503.002,443	1.758.378,795
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	1.375.028,351		1.375.028,351	1.026.445,913
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	12a	-	58.865,000
2.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	1.375.028,351	19	1.375.028,351	967.580,913
B. TÀI SẢN DÀI HẠN						
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210	-		-	-
II.	Tài sản cố định	220	2.455.063,363,165	13	2.455.044,927,803	2.282.269,857,306
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	2.455.044,927,803		2.455.044,927,803	2.282.269,857,306
-	Nguyên giá	222	2.469.305,321,779		2.469.305,321,779	2.295.840,708,747
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223	(14.260,393,976)		(14.260,393,976)	(13.570,851,441)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	18.435,362	14	18.435,362	24.580,490
-	Nguyên giá	228	52.877,840		52.877,840	52.877,840
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229	(34.442,478)		(34.442,478)	(28.297,350)
III.	Bất động sản đầu tư	230	-		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	71.017,989,400		71.017,989,400	1.061,945,000
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	71.017,989,400	15	71.017,989,400	1.061,945,000
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	1.872.000,000		1.872.000,000	1.872.000,000
1.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	1.872.000,000	16	1.872.000,000	1.872.000,000
2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260	331.000,000		331.000,000	65.171,250
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	331.000,000	12b	331.000,000	65.171,250
2.	Tài sản dài hạn khác	268	-		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN					2.634.482.477,098	2.463.898.492,505

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.698.302.893	17.347.706.404
I. Nợ ngắn hạn	310		11.698.302.893	17.347.706.404
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	313.415.024	2.697.644.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	-	60.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	685.410.132	811.861.100
4. Phải trả người lao động	314		4.974.169.060	6.030.610.773
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	273.467.972	984.695.721
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.451.840.705	6.762.894.810
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.622.784.174.205	2.446.550.786.101
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.620.024.174.205	2.446.550.786.101
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	2.618.531.533.351	2.445.066.920.319
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	1.444.747.957	1.435.972.885
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	-	-
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	21	47.892.897	47.892.897
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.760.000.000	-
1. Nguồn kinh phí	431		2.760.000.000	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.634.482.477.098	2.463.898.492.505

Tổng Văn Thành
Người lập biểu

Phan Đình Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Năng Dũng
Giám đốc

Gia Lai, ngày 27 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	38.346.966.894	35.573.363.938
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	22	38.346.966.894	35.573.363.938
4. Giá vốn hàng bán	11	23	33.944.704.559	29.270.806.773
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		4.402.262.335	6.302.557.165
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	5.367.571.512	3.710.849.711
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	6.808.747.982	6.301.787.970
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.961.085.865	3.711.618.906
11. Thu nhập khác	31	26	284.867.017	149.761.146
12. Chi phí khác	32	27	3.833.619	73.336
13. Lợi nhuận khác	40		281.033.398	149.687.810
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.242.119.263	3.861.306.716
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	593.030.576	742.324.010
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.649.088.687	3.118.982.706

Tổng Văn Thành
Người lập biểu

Phan Đình Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Năng Dũng
Giám đốc

Gia Lai, ngày 27 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	36.746.052.383	35.291.695.314
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(28.712.642.044)	(14.667.971.028)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.801.710.055)	(17.552.281.289)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(695.524.010)	(414.185.792)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.526.242.002	3.473.411.791
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.904.474.027)	(12.268.456.204)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.842.055.751)	(6.137.787.208)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(243.420.657.432)	(500.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(65.000.000.000)	(90.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	80.000.000.000	10.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.181.659.183	2.165.969.263
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(221.238.998.249)	(77.834.530.737)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	173.464.613.032	156.739.000.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	173.464.613.032	156.739.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(68.616.440.968)	72.766.682.055
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	90.031.324.259	17.264.642.204
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	21.414.883.291	90.031.324.259

Tông Văn Thành
Người lập biểu

Phan Đình Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Năng Dũng
Giám đốc

Gia Lai, ngày 27 tháng 02 năm 2020